

Số: 06 /NQ-HĐND

Lộc Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công

- Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của huyện.
- Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch.

4. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.
5. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.
6. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản
 - Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.
 - Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 là 3.772.183 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn huyện quản lý: 2.111.183 triệu đồng
2. Vốn tỉnh hỗ trợ: 968.000 triệu đồng
3. Vốn Trung ương hỗ trợ: 693.000 triệu đồng

III. Phương án phân bổ chi tiết

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 của huyện là **3.429.257 triệu đồng**, bao gồm:

1. Dự án chuyển tiếp: 437.896 triệu đồng
2. Dự án khởi công mới: 2.991.361 triệu đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này điều chỉnh và thay thế Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ và đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hùng

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

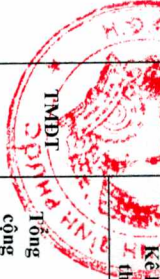
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **06** /NQ-HĐND ngày **03** tháng **12** năm **2022** của HĐND huyện)

Đvt: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%	
	Tổng số	3.772.183	3.429.257	342.926	
1	Vốn huyện quản lý	2.111.183	1.919.257	191.926	
2	Vốn tỉnh hỗ trợ	968.000	880.000	88.000	
3	Vốn Trung ương hỗ trợ	693.000	630.000	63.000	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án		Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			TMDT Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
	TỔNG SỐ		3.874.523	3.421.657	1.917.657	779.000	725.000	3.429.257	1.919.257	880.000	630.000	102.600	95.000		
A	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		2.200.563	1.868.646	899.146	489.500	480.000	1.834.046	899.146	549.900	385.000	60.400	95.000		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		649.475	418.657	338.657	80.000	-	418.657	338.657	80.000	-	-	-		
1	Đường từ đất đỏ di trung tâm xã Lộc Thành		6.494	3.494	3.494			3.494	3.494					Hoàn thành	
2	Đường từ QL13 đi xã Lộc An và Lộc Hiệp		60.000	54.314	54.314			54.314	54.314					Thi công	
3	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn		150.000	150.000	150.000			150.000	150.000						
4	Đường từ tổ 4 ấp 8 (ngã ba nhà ông Tư Lễ) đi trung tâm hành chính xã		4.999	200	200			200	200					Hoàn thành	
5	Đường nhựa ấp Cần Dực đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ đường xuyên Á đi nhà ông Ngõ Văn Dũng)		5.382	391	391			391	391					Hoàn thành	
6	Đường từ ấp Lộc Bình 1, Lộc Bình 2 đi trung tâm xã Lộc Thành		5.999	2.999	2.999			2.999	2.999					Hoàn thành	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu thị trấn Lộc Ninh		11.466	11.466	11.466			11.466	11.466					Hoàn thành	
8	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Lộc Ninh		10.487	10.487	10.487			10.487	10.487					Hoàn thành	
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (đoạn từ Trường tiểu học Lộc Thái A đi xã Lộc Thiện)		12.000	6.230	6.230			6.230	6.230					Quyết toán	
10	Đường từ Trường THPT Lộc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp) giai đoạn 2		8.649	8.649	8.649			8.649	8.649					Quyết toán	
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thanh kết nối QL13 (đoạn qua xã Lộc Tấn)		15.000	9.000	9.000			9.000	9.000					Đang QT	
12	XD Cầu BTCT đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thanh		5.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Hoàn thành	
13	Đường từ ấp Vườn Bưởi đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ tổ 3, ấp Vườn Bưởi đi tổ 8, ấp Măng Cai)		9.924	1.124	1.124			1.124	1.124					Hoàn thành	
14	Xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa		55.000	25.228	25.228			25.228	25.228					Đang QT	
15	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tẻ, xã Lộc Thành		39.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Đang QT	
16	Đường từ Cầu ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến Công ty cao su Lộc Ninh		4.575	4.575	4.575			4.575	4.575					Thi công	
17	Đường tránh QL13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh		245.000	125.000	45.000	80.000		125.000	45.000	80.000				Thi công	
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.551.088	1.449.989	560.489	409.500	480.000	1.415.389	560.489	469.900	385.000	60.400	95.000		

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
1	Đường liên ấp từ tổ 4 ấp Chàng Hai đi tổ 7,9 ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	15.000	15.000	15.000			15.000	15.000					Thi công		
2	Đường từ ngã tư Mũi Tồn, xã Lộc Thiện đi xã Lộc Thái	14.000	14.000	14.000			14.000	14.000					Quyết toán		
3	Cầu BTCT đường Phan Chu Trinh (núi dài)	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Hoàn thành		
4	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thiện (đoạn từ nhà văn hóa ấp Bù Núi B đi ấp K54, xã Lộc Thiện)	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000					Thiết kế xong		
5	Đầu tư hạ tầng quy hoạch khu dân cư xã Lộc Thái	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Thi công		
6	Nâng cấp đường từ tổ 1 ấp Bồn Xăng đi khu di tích lịch sử Bồn Xăng VK98, xã Lộc Quang	6.990	6.990	6.990			6.990	6.990					Hoàn thành		
7	Đường ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	3.379	3.379	3.379			3.379	3.379					Thi công		
8	Xây dựng kè đá và san lấp mặt bằng khu đất trước trụ sở UBND xã Lộc Quang	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990					Hoàn thành		
9	Nâng cấp, mở rộng đường từ 1,4 ấp Càn Lê xã Lộc Khánh(giai đoạn 2)	4.500	4.500	4.500			4.500	4.500					Thi công		
10	Đường tổ 6,7 ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	6.505	6.505	6.505			6.505	6.505					Đang thiết kế		
11	Đường liên ấp Thắng Lợi - Tân Lợi đi trung tâm hành chính xã Lộc Phú	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995					Đang thiết kế		
12	Đường từ ngã ba cây xăng Như Ý đi QL13, xã Lộc Hoà	4.447	4.447	4.447			4.447	4.447					Đang thiết kế		
13	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,2 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Thi công		
14	XD đường vành đai ấp 11B đi ấp 10, xã Lộc Thiện	2.981	2.981	2.981			2.981	2.981					Thi công		
15	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An	2.120	2.120	2.120			2.120	2.120					Thi công		
16	Đường từ chợ Lộc Hiệp đi đường DT 756 và đường ấp Hiệp Hoàn (quanh hồ Cầu Tráng) xã Lộc Hiệp	3.424	3.424	3.424			3.424	3.424					Hoàn thành		
17	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường nhựa từ trung tâm hành chính xã đi ấp Kiếu xã Lộc Thành	2.689	2.689	2.689			2.689	2.689					Thi công		
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Ngăn hàng Lộc Thái đi xã Lộc Điện (đoạn từ ngã ba Ngăn hàng đi cây xăng Thiện Phú)	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000					Hoàn thành		
19	Đường từ tổ 5B đi tổ 11 ấp 8 xã Lộc Điện	3.946	3.946	3.946			3.946	3.946					Thi công		
20	Đường tổ 1 ấp Măng Cai và đường tổ 1 ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện	4.998	4.998	4.998			4.998	4.998					Đang thiết kế		
21	Xây dựng hệ thống mương tổ 1 ấp 11B, xã Lộc Thiện	1.165	1.165	1.165			1.165	1.165					Thi công		
22	Giảm độ dốc của đường dân sinh đầu nối QL13, xã Lộc Tấn	985	985	985			985	985					Hoàn thành		

TT	Danh mục dự án	TMBT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
23	Đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	10.500	10.500	10.500				10.500	10.500						Hoàn thành
24	Đường GTNT ấp Lộc Bình 2 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành	4.260	4.260	4.260				4.260	4.260						Đang thiết kế
25	Đường nhựa ấp Tà Tè 1 đi Trung tâm hành chính xã Lộc Thành (đoạn từ kênh thủy lợi đến đập nước Tà Tè)	7.000	7.000	7.000				7.000	7.000						Đang thiết kế
26	Đường nhựa Cầu Bù Linh đi ấp 7 xã Lộc Thuận	5.409	5.409	5.409				5.409	5.409						Đang thiết kế
27	Đường tổ 11 đi tổ 13 ấp 8, xã Lộc Diên	4.839	4.839	4.839				4.839	4.839						Đang thiết kế
28	Đường ấp Bù Tam, xã Lộc Quang	5.358	5.358	5.358				5.358	5.358						Thi công
29	Xây dựng đường kẻ tuyến đường tổ 4 ấp Việt Tân, tổ 2,3 ấp Bù Tam xã Lộc Quang	3.000	3.000	3.000				3.000	3.000						Đang thiết kế
30	Xây dựng đường thoát nước tổ 2,5 ấp 10 xã Lộc Thiện	1.183	1.183	1.183				1.183	1.183						Đang thiết kế
31	Xây dựng cầu BTCT ấp 8 và cầu BTCT ấp 2 đi ấp 6 xã Lộc Diên	2.600	2.600	2.600				2.600	2.600						Đang thiết kế
32	Xây dựng đường thoát nước trên tuyến đường bê tông và đường nhựa ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành	1.474	1.474	1.474				1.474	1.474						Đang thiết kế
33	Xây dựng đường thoát nước tổ 1,4 ấp Vườn Bưởi và tổ 8 ấp 11B xã Lộc Thiện	1.363	1.363	1.363				1.363	1.363						Đang thiết kế
34	Nâng cấp hệ thống đường thoát nước ấp 6, xã Lộc An	1.550	1.550	1.550				1.550	1.550						Đang thiết kế
35	Xây dựng đường và cầu bần trên tuyến đường tổ 1 ấp 3 xã Lộc An	1.995	1.995	1.995				1.995	1.995						Đang thiết kế
36	Xây dựng công bê tông cốt thép tại tổ 4 ấp 5C, xã Lộc Tấn	600	600	600				600	600						Đang thiết kế
37	Xây dựng đường thoát nước tổ 1,5 ấp 3, xã Lộc Diên	992	992	992				992	992						Đang thiết kế
38	Xây dựng đường thoát nước đường BTXM ấp 8, xã Lộc Hòa (giai đoạn 2)	1.926	1.926	1.926				1.926	1.926						Thi công
39	Đường từ QL13 đi Nghĩa trang nhân dân huyện	11.000	11.000	11.000				11.000	11.000						Thi công
40	Đường từ QL13 qua xã Lộc An đi Lộc Hiệp (giai đoạn 2)	21.000	21.000	21.000				21.000	21.000						Đang thiết kế
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Ba Ven đi khu 41 hồ ấp Càn Lê	14.000	14.000	14.000				14.000	14.000						Thiết kế xong
42	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL13 đến chợ Lộc Hòa.	14.500	14.500	14.500				14.500	14.500						Đang thiết kế
43	Đường từ Trường TH Lộc Thiện B đi ấp 4A, xã Lộc Tấn	9.000	9.000	9.000				9.000	9.000						Thiết kế xong
44	Đường nhựa liên xã ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp đi ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú.	11.200	13.500	13.500				13.500	13.500						Thiết kế xong

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
67	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3 (giai đoạn 2)	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500					Đang thiết kế
68	XD đường GTNT tổ 1,2 ấp 4, xã Lộc Diên	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Đang thiết kế
69	Đường ấp 9 đi TTHC xã Lộc Diên	4.998	4.998	4.998			4.998	4.998					Đang thiết kế
70	Đường GTNT tổ 2 ấp 9 xã Lộc Diên	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Đang thiết kế
71	Xây dựng mương kè tuyến đường tại tổ 8 ấp 2, tổ 4,6 ấp 3 và tổ 5 ấp 4, xã Lộc Diên	1.790	1.790	1.790			1.790	1.790					Đang thiết kế
72	XD kè mương thoát nước tổ 3 ấp 10 và tổ 6 ấp 11B, xã Lộc Thiện	1.400	1.400	1.400			1.400	1.400					Đang thiết kế
73	Đường tổ 6 ấp Vườn Bưởi đi tổ 7 ấp Măng Cai	1.103	1.103	1.103			1.103	1.103					Đang thiết kế
74	Xây dựng cống, mương thoát nước tổ 9 ấp K54, xã Lộc Thiện	1.086	1.086	1.086			1.086	1.086					Đang thiết kế
75	Xây dựng mương thoát nước ấp Sóc Lớn xã Lộc Khánh	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Đang thiết kế
76	Xây dựng mương thoát nước ấp Quyết Thanh xã Lộc Khánh	2.500	2.500	2.500			2.500	2.500					Đang thiết kế
77	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,3 ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Đang thiết kế
78	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú và đường D6 khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Thi công
79	XD mương đường D1,D2,D3,D4,D6, thị trấn Lộc Ninh	2.001	2.001	2.001			2.001	2.001					Đang thiết kế
80	Nâng cấp đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Thi công
81	Nâng cấp, mở rộng đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Thi công
82	Xây dựng đường GTNT tổ 6, tổ 10 ấp 6, xã Lộc Hưng	4.999	7.500	7.500			7.500	7.500					Đang thiết kế
83	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 3, tổ 7,8 ấp 6 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709			1.709	1.709					Đang thiết kế
84	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 4, tổ 7 ấp 1 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709			1.709	1.709					Đang thiết kế
85	Đường từ ngã 3 cầu sập đi ngã 4 nhà văn hóa ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995					Đang thiết kế
86	Đường nhựa ấp Bù Núi xã Lộc Tấn	6.991	6.991	6.991			6.991	6.991					Đang thiết kế
87	Đường nhựa tổ 2,6,7 ấp Tân Hai xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh	6.996	6.996	6.996			6.996	6.996					Đang thiết kế
88	Đường nhựa tổ 10, ấp Tân Hai đi Trung tâm hành chính xã Lộc Phú.	6.998	6.998	6.998			6.998	6.998					Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
89	Nâng cấp đường Nguyễn Huệ thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	13.000	13.000	13.000			13.000	13.000					Đang thiết kế
90	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp	1.700	1.700	1.700			1.700	1.700					Hoàn thành
91	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư Trung tâm xã Lộc An	5.400	5.400	5.400			5.400	5.400					Đang thiết kế
92	Đầu tư hạng tầng khu quy hoạch dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Ninh Thinh, thị trấn Lộc Ninh	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500					Thi công
93	Nâng cấp đường nội bộ chợ Lộc Ninh	3.100	3.100	3.100			3.100	3.100					Thi công
94	Đường từ xã Lộc Khánh kết nối QL13	22.000	22.000	22.000			22.000	22.000					Thi công
95	Đường nhựa từ khu di tích Tà Thiết đi cửa khẩu Lộc Thinh, xã Lộc Thinh, huyện Lộc Ninh	55.000	55.000	55.000			55.000	55.000					Thi công
96	Đường từ ngã ba Hố Bom, thị trấn Lộc Ninh đi ấp 10, xã Lộc Thiện	28.000	28.000	28.000			28.000	28.000					Thi công
97	Xây dựng cống bản ấp Thanh Tây (Cầu Sập), xã Lộc Tấn	963	963	963			963	963					Thi công
98	Xây dựng cống thoát nước tổ 2, ấp Thanh Tân, xã Lộc Thanh	493	493	493			493	493					Thi công
99	Xây dựng mới cống suối đá tại ấp Soor Rung, xã Lộc Phú	900	900	900			900	900					Thi công
100	Nâng cấp đường Nguyễn Bình, thị trấn Lộc Ninh	1.209	1.209	1.209			1.209	1.209					Thiết kế xong
101	Đường Tà Thiết - Hoa Lư kết nối với đường phía Tây QL13	100.000	90.000		90.000		90.000		90.000				Đang thiết kế
102	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thanh kết nối QL13	60.000	54.000		54.000		54.000		54.000				Đang thiết kế
103	Đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường DT756 và DT759B	100.000	90.000		90.000		90.000		90.000				Đang thiết kế
104	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh và nhánh rẽ X16	90.000	81.000		81.000		81.000		81.000				Hoàn thành
105	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	45.000	40.500		40.500		40.500		40.500				Thi công
106	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	27.000		27.000		27.000		27.000				Thi công
107	Đường liên xã Lộc Diên - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	27.000		27.000		27.000		27.000				Thi công
108	Đường từ UBND xã Lộc Thuận kết nối QL13	60.000	60.000		60.000		60.000		60.000				Đang thiết kế
109	Đường tránh phía Đông QL13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	210.000	210.000		210.000		210.000		210.000				Đang thiết kế
110	Đường ngã ba hố bom làng 10 đi ấp K54, xã Lộc Thiện đầu nối đường Tà Thiết - Hoa Lư và nhánh rẽ	95.000	95.000		95.000		-					95.000	Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022						Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn						Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ							
111	Đường Bù Núi đi đường tuần tra Biên giới	115.000	115.000			115.000	115.000									Đang thiết kế	
112	Mở rộng đường Lê Lợi, Thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)	8.500	8.500	8.500				8.500								Đang thiết kế	
113	Đường từ cổng chào ấp K54 xã Lộc Thiện đầu nối với đường phía tây Quốc lộ 13 (Chơn Thành - Hoa Lư)	30.000						30.000			30.000			30.000			
114	Xây dựng cầu Bù Núi xã Lộc Tấn	10.000						10.000			10.000			10.000			
115	Xây dựng kè chắn mố cầu Đường Huỳnh Tân Phát - thị trấn Lộc Ninh	3.000						3.000			3.000			3.000			
116	Xây dựng cầu BTCT ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh	14.900						14.900			14.900			14.900			
117	Nâng cấp đường đường từ trại giam (đường nội bộ) Công An huyện đầu nối đường Phan Chu Trinh	2.500						2.500			2.500			2.500			
B	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	473.551	414.851	215.351	199.500	-	440.451	216.251	224.200	-	25.600	-					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	20.801	3.701	3.701	-	-	3.701	3.701	-	-							
1	XD 08 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thành	4.257	157	157			157	157								Quyết toán	
2	XD 12 phòng học lầu trường TH Lộc Hưng	5.325	225	225			225	225								Quyết toán	
3	XD 08 phòng học lầu trường THCS Lộc Điền	6.000	300	300			300	300								Quyết toán	
4	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Quang	5.219	119	119			119	119								Quyết toán	
5	XD 18 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thiện		2.900	2.900			2.900	2.900								Quyết toán	
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	452.750	411.150	211.650	199.500	-	436.750	212.550	224.200	-	25.600	-					
1	XD nhà tập đa năng và 04 phòng lầu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) trường THCS Lộc Điền	7.500	7.500	7.500			7.500	7.500								Thi công	
2	XD 06 phòng học lầu (diện tích) trường TH Lộc Thuận B	4.600	4.600	4.600			4.600	4.600								Thi công	
3	XD 24 phòng học lầu trường THCS Lộc Khánh	19.500	22.500	22.500			22.500	22.500								Thi công	
4	Xây dựng 07 phòng học và chức năng, 04 phòng hỗ trợ học tập, hội trường và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Điền A	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900								Thi công	
5	Xây dựng 08 phòng học lầu, hàng rào, sân bê tông Trường Tiểu học Lộc Điền B	5.350	5.350	5.350			5.350	5.350								Thi công	
6	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Hưng	10.000	-				-										
7	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường THCS Lộc Hưng	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900								Thi công	
8	XD 10 phòng học lầu, 02 phòng ngoài ngõ, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp	12.600	12.600	12.600			12.600	12.600								Thi công	

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
9	XD 14 phòng học, phòng chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Hiệp	14.900	14.900	14.900				14.900	14.900						Thi công
10	XD nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái A	3.000	3.000	3.000				3.000	3.000						Hoàn thành
11	XD 12 phòng học lầu (06 phòng học, 06 phòng chức năng và khối phòng hỗ trợ học tập) trường THCS Lộc Tấn	14.900	14.900	14.900				14.900	14.900						Thi công
12	XD 04 phòng chức năng và nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái B	6.500	6.500	6.500				6.500	6.500						Thi công
13	XD phòng thư viện, thiết bị, tin học, phòng hội đồng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Thái	7.000	7.000	7.000				7.000	7.000						Thi công
14	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	14.900	14.000	14.000				14.900	14.900			900			Đang thiết kế
15	Xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh A (vị trí mới)	19.000	19.000	19.000				19.000	19.000						Thi công
16	Xây dựng 12 phòng học lý thuyết (khởi tiểu học) và 06 phòng học bộ môn (khởi THCS) Trường THPTCHS Lộc Thanh	20.000	20.000	20.000				20.000	20.000						Thi công
17	Xây dựng Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (Lộc Tấn)	30.000	30.000		30.000			30.000		30.000					Thiết kế xong
18	Xây dựng Trường TH và THCS Lộc Phú	37.500	37.500		37.500			37.500		37.500					Đang thiết kế
19	Xây dựng Trường THCS Lộc Thái	37.500	37.500		37.500			37.500		37.500					Đang thiết kế
20	Trường mẫu giáo Lộc Thái	20.000	18.000		18.000			18.000		18.000					Đang thiết kế
21	Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	20.000	18.000		18.000			18.000		18.000					Thi công
22	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	50.000	45.000		45.000			45.000		45.000					Hoàn thành
23	XD 12 phòng học và đa năng trường THPT Lộc Hiệp	13.500	13.500		13.500			13.500		13.500					Thi công
24	XD nhà văn hóa và 02 phòng chức năng Trường PTDT nội trú THCS huyện Lộc Ninh	5.000	5.000	5.000				5.000	5.000						Đang thiết kế
25	XD 05 phòng hành chính quản trị, 16 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	20.000	20.000	20.000				20.000	20.000						Đang thiết kế
26	XD 04 phòng học hành chính quản trị, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học Trường TH Lộc Thái B	5.000	5.000	5.000				5.000	5.000						Đang thiết kế
27	XD 06 phòng học và chức năng và các công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo Vàng Anh	9.000						9.000		9.000		9.000			
28	XD 03 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Hưng	14.900						14.900		14.900		14.900			
29	XD Đường điện THT và trạm điện ba pha trường TH Lộc Thái A	800						800		800		800			
C	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	385.242	350.705	350.705	-	-	-	367.305	351.405	15.900	-	16.600	-	-	
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	33.434	13.297	13.297	-	-	-	13.297	13.297	-	-				

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
1	XD Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	20.509	1.372	1.372			1.372	1.372							Quyết toán
2	XD Hội trường BCH Quận sự huyện	8.500	8.500	8.500			8.500	8.500							Thi công
3	XD Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện	3.260	3.260	3.260			3.260	3.260							Đang QT
4	San lấp mặt bằng trường MG Lộc Hưng	1.165	165	165			165	165							Hoàn thành
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	351.808	337.408	337.408	-	-	354.008	338.108	15.900	-	16.600		-		
1	XD Sân vận động-Nhà thi đấu đa năng huyện (Lộc Thái)	42.000	42.000	42.000			42.000	42.000							Đang thiết kế
2	XD Trung tâm hành chính huyện	200.000	200.000	200.000			200.000	200.000							Thiết kế xong
3	Cải tạo khu thể thao-văn hoá thị trấn Lộc Ninh (Sân vận động huyện)	10.500	10.500	10.500			10.500	10.500							Thi công
4	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	4.036	4.036	4.036			4.036	4.036							Đang thiết kế
5	Xây dựng nhà văn hoá khu phố Ninh Thuận, Ninh Thanh và Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500							Thi công
6	Xây dựng nhà văn hoá ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000							Hoàn thành
7	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, 8B, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000							Thi công
8	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, ấp 9 xã Lộc Thái	2.820	2.820	2.820			2.820	2.820							Thi công
9	Xây dựng Hội trường UBND xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500							Thi công
10	Xây dựng nhà văn hoá ấp Hiệp Hoàn A, Hiệp Tâm A và ấp Hiệp Thành Tân, xã Lộc Hiệp	3.228	3.228	3.228			3.228	3.228							Thi công
11	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 4,5 và 6 xã Lộc Hưng	1.617	1.617	1.617			1.617	1.617							Thi công
12	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 7,8 và 9 xã Lộc Hưng	1.995	1.995	1.995			1.995	1.995							Đang thiết kế
13	XD công, kẻ đá, cây xanh, thiết bị Hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1.600	1.600	1.600			1.600	1.600							Thi công
14	Xây dựng nhà khách Ban chỉ huy quân sự huyện Lộc Ninh	17.775	17.775	17.775			17.775	17.775							Đang thiết kế
15	Xây dựng các hạng mục căn cứ Hậu cần – Kỹ thuật	6.065	6.065	6.065			6.065	6.065							Đang thiết kế
16	Nhà làm việc Ban Công an xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			4.200	4.200			700				Đang thiết kế
17	Xây dựng kè chắn đất nhà văn hoá ấp K.54, xã Lộc Thiện	600	600	600			600	600							Đang thiết kế
18	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bia đá, cảnh quan khu vực X16 (giai đoạn 2)	10.000	10.000	10.000			10.000	10.000							Thi công

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
19	Xây mới kè đá Trường mầm non Sao Mai	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000							Thi công
20	Cải tạo trụ sở UBND thị trấn Lộc Ninh thành nhà văn hóa khu phố Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	1.200	1.200	1.200			1.200	1.200							Hoàn thành
21	Xây dựng Trạm y tế thị trấn Lộc Ninh	3.500	5.000	5.000			5.000	5.000							Thi công
22	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	8.472	8.472	8.472			8.472	8.472							Đang thiết kế
23	Xây dựng kho chứa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và phòng lưu trữ Ban QL rừng phòng hộ Lộc Ninh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000							Đang thiết kế
24	Xây dựng hàng rào, nhà xe Hạt Kiểm Lâm huyện	1.000					1.000		1.000			1.000			
25	Xây dựng hồ nước phòng, chống cháy rừng và tạo cảnh quang trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền Nam Việt Nam	14.900					14.900		14.900			14.900			
D	CÔNG TRÌNH ĐIỆN	59.276	40.925	40.925	-	-	40.925	40.925	-	-					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	20.592	2.241	2.241	-	-	2.241	2.241	-	-					
1	Điện áp 11, xã Lộc Thuận	1.500	500	500			500	500							Thi công
2	Điện tổ 4, ấp Chàng hai đi tổ 7, ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	3.951	100	100			100	100							Thi công
3	Điện THT ấp K57, xã Lộc Tân	2.061	461	461			461	461							Thi công
4	Đường dây trung hạ thế và TBA các ấp Tân Hai, SoockLung, Tân Lợi, Bù Linh, Vẻ Vang và Thăng Lợi, xã Lộc Phú	5.508	108	108			108	108							Thi công
5	Điện tổ 3-6-7, ấp Tân Hai, xã Lộc Phú (đoạn từ nhà bà Thảo đến nhà bà Tâm Tuyết)	3.332	332	332			332	332							Thi công
6	Điện khu Dồi Trờ ấp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh	4.240	740	740			740	740							Thi công
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	38.684	38.684	38.684	-	-	38.684	38.684	-	-					
1	Điện thấp sáng nông thôn	12.811	12.811	12.811			12.811	12.811							
2	Điện tổ 1,2,3,5,7 ấp Dồi Dà, Lộc Khánh	5.900	5.900	5.900			5.900	5.900							Thi công
3	Điện tổ 6,7,9 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	5.700	5.700	5.700			5.700	5.700							Thi công
4	Điện tổ 3 ấp Thanh Đông, xã Lộc Thanh	600	600	600			600	600							Thi công
5	Điện tổ 10, khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh	350	350	350			350	350							Thi công
6	Điện ấp Hiệp Tâm, Hiệp Hoàn A, Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500							Thi công

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
7	Điện áp 7, xã Lộc Hòa	2.700	2.700	2.700				2.700	2.700						Thi công
8	Điện áp 8C, xã Lộc Hòa	4.300	4.300	4.300				4.300	4.300						Thi công
9	Điện trung hạ thế và trạm biến áp đường Đồng Tâm - Lộc Khánh	2.823	2.823	2.823				2.823	2.823						Thi công
G	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI	490.258	480.258	145.258	90.000	245.000		480.258	145.258	90.000	245.000				
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025														
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	490.258	480.258	145.258	90.000	245.000		480.258	145.258	90.000	245.000				
1	Hồ chứa nước thị trấn Lộc Ninh (bao gồm GPMB)	118.000	118.000	118.000				118.000	118.000						Đang thiết kế
2	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Lâm Trường)	100.000	90.000		90.000			90.000		90.000					Thi công
3	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Diên)	150.000	150.000	15.000		135.000		150.000	15.000		135.000				Thi công
4	Hệ thống kênh tưới huyện	110.000	110.000			110.000		110.000			110.000				Đang thiết kế
5	Bê tông hóa tuyến kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	2.258	2.258	2.258				2.258	2.258						Thi công
6	Nạo vét, xây kè suối Cầu Lò Hèo, thị trấn Lộc Ninh	6.000	6.000	6.000				6.000	6.000						Thi công
7	Xây dựng đập dâng nước trên suối Lâm Bui đoạn qua xã Lộc Khánh	4.000	4.000	4.000				4.000	4.000						Thi công
H	CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	80.000	80.000	80.000	-	-		80.000	80.000	-	-				
1	Chi phí GPMB các dự án trên địa bàn huyện Lộc Ninh	80.000	80.000	80.000				80.000	80.000						
I	CÔNG TRÌNH VẬN HÓA - XÃ HỘI - ANTT (01 dự án)	5.000	5.000	5.000				5.000	5.000						
1	Hệ thống Camera an ninh	5.000	5.000	5.000				5.000	5.000						Quyết toán
K	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1000 HỘ NGHÈO DBDTS	19.114	19.114	19.114				19.114	19.114						
L	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	81.000	81.000	81.000				81.000	81.000						
M	CHƯƠNG TRÌNH 1.000 KM ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	42.530	42.530	42.530				42.530	42.530						
N	VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH	15.000	15.000	15.000				15.000	15.000						

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 106 ngày 30/12/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
O	VỐN TÀI TOÁN CÔNG TRÌNH DÀ QUYẾT TOÁN	2.989	3.628	3.628			3.628	3.628					
P	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025	20.000	20.000	20.000			20.000	20.000					